

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2023
V/v “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện
2. Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tống Văn M, sinh năm 1958 (Có mặt).

Nơi cư trú: thôn Chúng, xã Đ Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T- Sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Chúng, xã Đ Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì nguyên đơn là ông Tống Văn M trình bày:

Ông kết hôn cùng bà Nguyễn Thị T ngày 23/11/1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Lỗ. Sau khi kết hôn bà T về sống chung cùng ông ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường hạnh phúc, Đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, nghi ngờ nhau về mặt tình cảm dẫn đến đánh cãi, chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng với bà T không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Tống Văn Nguyên, sinh ngày 20/9/2000; Tống Thị Nguyệt, sinh ngày 28/3/2002, hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình, ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà kết hôn cùng ông Tống Văn M ngày 23/11/1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Lỗ. Sau khi kết hôn bà về sống chung cùng ông M ngay. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường hạnh phúc, Đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ nhau về mặt tình cảm dẫn đến đánh cãi, chửi nhau. Sau khi mâu thuẫn gia đình có động viên hòa giải, nên vợ chồng về đoàn tụ. Đến tháng 10/2022 thì vợ chồng lại mâu thuẫn do không hợp nhau và nghi ngờ nhau về quan hệ tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng với ông M vẫn còn, ông M yêu cầu được ly hôn với bà thì bà không đồng ý ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Tống Văn Nguyên, sinh ngày 20/9/2000; Cháu Tống Thị Nguyệt, sinh ngày 28/3/2002, hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành, lập gia đình, bà không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về ruộng đất, công sức: Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bà có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Ông Tống Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị T

2, Về án phí: ông Tống Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2]- Về quan hệ tình cảm: Ông Tống Văn M và bà Nguyễn Thị T kết hôn ngày 23/11/1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Lỗ. Hôn nhân tự nguyện,

không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 do không hợp nhau, nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm, hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau. Ông M yêu cầu ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông M. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông M về việc xin ly hôn bà Nguyễn Thị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Cả ông M và bà T đều xác định vợ chồng có 02, hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản chung; công nợ; ruộng đất; công sức: Cả ông M và bà T đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]- Về án phí: Ông Tống Văn M thuộc đối tượng người cao tuổi được miễn án phí DSST là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Ông Tống Văn M được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tống Văn M do ông M thuộc đối tượng người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ Lỗ ;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận

